

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 213, 220, 613, 650, 651 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 10 tháng 11 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 75/2020/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Khương Xuân **H1**, sinh năm 1984

Địa chỉ: Tổ 14, phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

- Bị đơn: Ông Khương Ngọc **L1**, sinh năm 1946

Địa chỉ: Tổ 14, phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Khương Thị **Ph**, sinh năm 1971

Địa chỉ: Tổ 14, phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

+ Anh Khương Xuân **Y**, sinh năm 1973

Địa chỉ: Tổ 06, phường Thịnh Lang, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

+ Chị Khương Thị **H2**, sinh năm 1991

Địa chỉ: Tổ 14, phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về khối di sản thừa kế:

- 01 lô đất diện tích 433,5 m² (thửa đất số 83, tờ bản đồ số 22, địa chỉ tổ 14 phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình).

- 01 nhà cấp IV, tường gạch, mái bê tông (mái bằng), diện tích xây dựng 52,4 m² xây năm 1986.

2.2. Về phân chia di sản:

- Anh Khương Xuân **H1** được quyền sử dụng thửa đất số 276, tờ bản đồ số 22, diện tích 107,9m² địa chỉ: tổ 14 phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Vị trí tứ cận thửa đất như sau: phía Bắc giáp hộ bà **Th**, phía Nam giáp hộ ông Khương Ngọc **L**, phía Tây giáp mặt đường Bùi Thị Xuân, phía Đông giáp hộ bà **L2** (Có sơ đồ kèm theo).

Anh **H1** được quyền sở hữu 01 nhà cấp IV, tường gạch, mái bê tông (mái bằng), diện tích xây dựng 52,4 m² xây năm 1986, đã xuống cấp.

- Ông Khương Ngọc **L1** được quyền sử dụng thửa đất số 277, tờ bản đồ số 22, diện tích 104,3m² địa chỉ: tổ 14 phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Vị trí tứ cận thửa đất như sau: phía Bắc giáp hộ anh Khương Xuân **H1**, phía Nam giáp hộ anh Khương Xuân **Y**, phía Tây giáp mặt đường Bùi Thị Xuân, phía Đông giáp hộ bà **L2** (Có sơ đồ kèm theo).

- Anh Khương Xuân **Y** được quyền sử dụng thửa đất số 278, tờ bản đồ số 22, diện tích 122,5m² địa chỉ: tổ 14 phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Vị trí tứ cận thửa đất như sau: phía Bắc giáp hộ ông Khương Ngọc **L1**, phía Nam giáp hộ chị Khương Thị **Ph**, phía Tây giáp mặt đường Bùi Thị Xuân, phía Đông giáp hộ bà **L2** (Có sơ đồ kèm theo).

- Chị Khương Thị **Ph** được quyền sử dụng thửa đất số 279, tờ bản đồ số 22, diện tích 49,4m² địa chỉ: tổ 14 phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Vị trí tứ cận thửa đất như sau: phía Bắc giáp hộ anh Khương Xuân **Y**, phía Nam giáp hộ chị Khương Thị **H2**, phía Tây giáp mặt đường Bùi Thị Xuân, phía Đông giáp hộ bà **L2** (Có sơ đồ kèm theo).

- Chị Khương Thị **H2** được quyền sử dụng thửa đất số 280, tờ bản đồ số 22, diện tích 49,4m² địa chỉ: tổ 14 phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Vị trí tứ cận thửa đất như sau: phía Bắc giáp hộ chị Khương Thị **Ph**, phía Nam giáp hộ ông **C**, phía Tây giáp mặt đường Bùi Thị Xuân, phía Đông giáp hộ bà **L2** (Có sơ đồ kèm theo).

2.3. Về án phí: Anh Khương Xuân **H1** phải nộp 4.546.000 đồng (Bốn triệu năm trăm bốn mươi sáu nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hiện anh **H1** đã nộp tiền tạm ứng án phí số tiền là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hòa Bình theo Biên lai số 0007047 ngày 12/10/2020, nay được khấu trừ. Anh **H1** được hoàn lại số tiền là 2.454.000 đồng (Hai triệu bốn trăm năm

mười tư nghìn đồng). Ông Khương Ngọc **L1** phải nộp 3.911.000 đồng (Ba triệu chín trăm mười một nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Khương Xuân **Y** phải nộp 4.593.000 đồng (Bốn triệu năm trăm chín mươi ba nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị Khương Thị **Ph** phải nộp 1.852.500 đồng (Một triệu tám trăm năm mươi hai nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị Khương Thị **H2** phải nộp 1.852.500 đồng (Một triệu tám trăm năm mươi hai nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND TP Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Đinh Trường Sơn